

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 6 - 2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Băng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/06/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/TB-XX ngày 20 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 08 tháng 4 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu. Anh chị chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế và lối sống gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải, hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Chị

xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Chị và anh L có 2 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh T1, sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2013. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Phạm Văn L vắng mặt, không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Phạm Văn L có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Đ, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phạm Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không khắc phục được. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhiều lần nhưng anh L vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của chị T, thể hiện anh L không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về nuôi con: Chị T và anh L có hai con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh T1, sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2013. Xét thấy: Nguyên vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị T là chính đáng. Hiện cả hai

cháu đều có nguyện vọng chung sống cùng chị T. Anh L không có ý kiến gì đối với việc nuôi con nên giao cháu T1 và cháu Tuấn A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 và cháu Tuấn A, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[4] Về chia tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về nuôi con: Giao cháu Phạm Thị Quỳnh T1, sinh ngày 05 tháng 2 năm 2009 và cháu Phạm Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 12 năm 2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phạm Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/cháu kể từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi cháu T1, cháu Tuấn A lần lượt đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Phạm Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh L chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh L còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000161 ngày 10 ngày 03 tháng 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Yên Bái;
- Chi cục thi hành án Dân sự TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện T,
- T. Yên Bái;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền